

24. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THỰC VẬT DƯỢC

1. Tên học phần: THỰC VẬT DƯỢC

Đơn vị phụ trách giảng dạy : Bộ môn Thực vật – Dược liệu

2. Mã học phần

3. Số tín chỉ : 4

4. Trình độ : Dành cho sinh viên năm thứ 2

5. Phân bố thời gian : - Lý thuyết: 3 tín chỉ: 45 tiết
- Thực hành: 1 tín chỉ: 30 tiết
- Tự học 90 tiết

6. Điều kiện tiên quyết : Không

7. Mục tiêu của học phần

Sau khi học xong học phần, sinh viên phải:

Kiến thức:

Mô tả được cấu trúc và chức năng của các thành phần trong cấu tạo tế bào thực vật.

Mô tả được các đặc điểm hình thái và giải phẫu của các cơ quan rễ, thân, lá, hoa, quả và hạt.

Trình bày được nguyên tắc chung và phương pháp để phân loại thực vật.

Nêu được đặc điểm của ngành Dương xỉ trần và Thủy dương xỉ, ngành Rêu, nhóm các ngành Quyết, ngành Thông, ngành Ngọc lan.

Kỹ năng:

Vẽ được các loại tế bào và mô thực vật.

Nhận biết và mô tả được các đặc điểm hình thái của rễ, thân, lá, hoa, quả và hạt.

So sánh cấu tạo sơ cấp và cấu tạo thứ cấp của các cơ quan sinh dưỡng cây.

Viết được hoa thức, vẽ được họa đồ và mô tả được các đặc điểm hình thái đặc đại diện của các ngành thực vật.

Thái độ:

Rèn luyện tác phong thận trọng, chính xác, trung thực

8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức đại cương về thực vật học, mô tả các cơ quan sinh dưỡng, sinh sản của thực vật. Học phần còn trang bị cho sinh viên về nguyên tắc chung và phương pháp để phân loại thực vật.

9. Lượng giá

Áp dụng Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng theo Quyết định số 17/VBHN - BGDDT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ **Lượng giá quá trình:** Điểm chuyên cần: trọng số 10%; Điểm kiểm tra thường xuyên: trọng số 10%; Điểm kiểm tra giữa kỳ: trọng số: 20%

+ **Lượng giá cuối kỳ:** Thi tự luận, vấn đáp, test trắc nghiệm: trọng số 60%

+ Điểm môn học = (điểm lý thuyết x 2 + điểm thực hành)/3

10. Thang điểm: 10 (Lấy một chữ số thập phân)

11. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tổng số
		Lên lớp			TH, TN, TT	Tự học	
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
1	Đại cương 1. Đại cương về thực vật dược 2. Tế bào 3. Mô thực vật	5				10	15
2	Cơ quan sinh dưỡng 1. Rễ cây 2. Thân cây 3. Lá cây	5				10	15
3	Cơ quan sinh sản 1. Hoa 2. Quả 3. Hạt	5				10	15
4	Danh pháp và bậc phân loại thực vật	5				10	15
5	Phương pháp phân tích cây và sử dụng khóa phân loại thực vật	5				10	15
6	Ngành Dương xỉ trần và Thủy dương xỉ, Ngành Rêu	5				10	15
7	Nhóm các ngành Quyết. Ngành Thông	5				10	15
8	Ngành Ngọc lan: lớp Ngọc lan	5				10	15
9	Ngành ngọc lan: lớp Hành	5				10	15
PHẦN THỰC HÀNH							
10	Phương pháp cắt – nhuộm – vẽ vi phẫu làm tiêu bản thực vật khô				3		3
11	Mô phân sinh sơ cấp – Mô mềm – Mô tiết Mô che chở - Mô nâng đỡ - Mô dẫn				4		4
12	Rễ cây: cấu tạo cấp 1, cấp 2 và bất thường				4		4
13	Thân cây: cấu tạo cấp 1 và cấp 2, cấu tạo bất thường				4		4
14	Lá cây				3		3

15	Phân tích đặc điểm hoa thực vật lớp Ngọc lan – hoa kim đồng				4		4
16	Phân tích đặc điểm hoa thực vật lớp Ngọc lam – hoa Dừa cạn				4		4
17	Phân tích đặc điểm hoa thực vật lớp Ngọc lan – hoa Điệp cứt				4		4
Tổng		45			30	90	165

12. Tài liệu học tập

- Sách giáo trình chính

1. Trương Thị Đẹp. *Thực vật dược*, NXB Giáo dục, 2007.
2. Thực tập Thực vật dược, Giáo trình nội bộ, Khoa Y Dược. Đại học Thành Đông

- Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Tiến Bân (2003), *Danh lục các loài thực vật Việt Nam*, NXB Nông nghiệp.
2. Võ Văn Chi (2003), *Từ điển Thực vật thông dụng*, XNB KHKT, Hà Nội
3. Trần Công Khánh, Phạm Hải (2004) *Cây độc ở Việt Nam*, NXB Y học.
4. Nguyễn Văn Thân, (2014), *cây thuốc và Động vật làm thuốc ở Việt Nam, Tập 1.2* NXB KHKT, Hà Nội.
5. Nguyễn Văn Thân, (2018), *cây thuốc và Động vật làm thuốc ở Việt Nam, Tập 3,4* NXB KHKT, Hà Nội.

13. Phương pháp dạy học

Tổ chức dạy/học tại trường

Phối hợp các phương pháp dạy học tích cực:

- Lý thuyết: Thuyết trình tích cực, nêu vấn đề, thảo luận nhóm
- Thực hành: Hướng dẫn sinh viên thực hành theo quy trình kỹ thuật tại phòng thí nghiệm

14. Giảng viên tham gia giảng dạy

- Ths. DS Nguyễn Thị Minh Hà
- Ths. Ngô Quốc Luật